

Số: 392/QĐ-UBND

Lộc Hòa, ngày 06 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố lại Hệ thống Quản lý chất lượng
phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa lần thứ 3 năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC HÒA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương;*

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ
tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc
gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống
hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và
Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản
lý chất lượng – các yêu cầu;*

*Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân xã về triển khai hoạt động duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng
theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã năm 2021;*

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - thống kê xã Lộc Hòa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 318/QĐ-UBND vào ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã Lộc Hòa.

Điều 3. Công chức Văn phòng- Thống kê UBND xã Lộc Hòa, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã, các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Thường trực UBND xã;
- Chủ tịch UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Thuận

BẢN CÔNG BỐ
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC HÒA

Công bố lại Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các hoạt động liên quan đến thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa.

(Tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Lộc Hòa, ngày 06 tháng 8 năm 2021
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Thuận

**DANH MỤC TÀI LIỆU TRONG HTQLCL TƯƠNG ỨNG VỚI
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC TRIỂN KHAI
TẠI UBND XÃ LỘC HÒA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa)*

TT	Tên tài liệu
I	Các tài liệu bắt buộc của hệ thống
1	Chính sách chất lượng
2	Mục tiêu chất lượng (MTCL), kế hoạch thực hiện MTCL, Kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng
3	Sổ tay chất lượng
4	Quy trình kiểm soát tài liệu
5	Quy trình kiểm soát hồ sơ
6	Quy trình đánh giá nội bộ
7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
8	Quy trình hành động khắc phục
9	Quy trình hành động phòng ngừa
10	Quy trình quản lý rủi ro
II	Các quy trình nội bộ
1	Quy trình tiếp nhận xử lý văn bản đến
2	Quy trình tiếp nhận và phát hành văn bản đi
3	Quy trình họp xem xét lãnh đạo
4	Quy trình mua sắm tài sản
5	Quy trình giải quyết TTHC của công an và quân sự
III.	27 quy trình ISO theo quyết định 2350 của UBND tỉnh TT Huế

1	Cấp mới, cấp đổi tài khoản sử dụng Dịch vụ công
2	Hỗ trợ công dân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ
3	Xử lý kiến nghị, vướng mắc trong giải quyết TTHC
4	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp)
5	Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tiếp)
6	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)
7	Yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ (trực tuyến)
8	Thu phí, lệ phí
9	Số hóa hồ sơ
10	Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tiếp)
11	Yêu cầu bổ sung nội dung hồ sơ (trực tuyến)
12	Yêu cầu gia hạn thời gian giải quyết hồ sơ
13	Yêu cầu xác minh hồ sơ
14	Yêu cầu thu phí, lệ phí bổ sung
15	Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tiếp)
16	Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tuyến mức độ 3)
17	Trả kết quả giải quyết TTHC (trực tuyến mức độ 4)
18	Trả hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết
19	Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tiếp
20	Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ trực tuyến
21	Giám sát công tác tiếp nhận hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích

22	Giám sát công tác xử lý hồ sơ
23	Giám sát công tác trả kết quả trực tuyến
24	Phối hợp bưu chính công ích trong nhận, chuyển hồ sơ
25	Phối hợp bưu chính công ích trong nhận, chuyển kết quả
26	Phối hợp bưu chính công ích trong nhận, chuyển kết quả
27	Đánh giá mức độ hài lòng về giải quyết TTHC

Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính (181 TTHC với 30 lĩnh vực) một cửa 107 TTHC, 74 TTHC liên thông.
I. Tư pháp (39 TTHC) – Theo QĐ 2588 ngày 05/11/2018	
1.Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC) với 6 quy trình	
QT-CT-01	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.
	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch
QT-CT-02	Chứng thực di chúc
QT-CT-03	Cấp bản sao từ sổ gốc
	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.
QT-CT-04	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
QT-CT-05	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản
QT-CT-06	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
2.Lĩnh vực Hộ tịch (18 TTHC) – 18 quy trình	
QT-HT-01	

	Đăng ký kết hôn
QT-HT-02	Đăng ký khai sinh
QT-HT-03	Đăng ký khai tử
QT-HT-04	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
	Đăng ký nhận cha, mẹ con
QT-HT-05	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
QT-HT-06	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
QT-HT-07	Đăng ký giám hộ
QT-HT-08	Đăng ký chấm dứt giám hộ
QT-HT-09	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
QT-HT-10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
	Đăng ký lại khai sinh
	Đăng ký lại kết hôn
	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới
QT-HT-11	Đăng ký lại khai tử
QT-HT-12	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
QT-HT-13	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
3. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (3 TTHC) – với 3 quy trình	
QT-NCN-01	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
QT-NCN-02	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
QT-NCN-03	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
4. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02TTHC) – Với 02 quy trình	
QT-PBGDPL-01	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật
QT-PBGDPL-02	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật
5. Lĩnh vực hòa giải cơ sở (4TTHC) – Với 4 quy trình	

QT-HGCS-01	Thủ tục công nhận hòa giải viên
QT-HGCS-02	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
QT-HGCS-03	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
QT-HGCS-04	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
6.Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC) – Với 01 quy trình	
QT-BTNN-01	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
II. LĨNH VỰC NỘI VỤ (14 TTHC) theo QĐ 2000 ngày 12/9/2018	
1. Lĩnh vực: Tôn giáo (10 TTHC) – Với 09 quy trình	
QT-TG-01	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng
	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
QT-TG-02	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
QT-TG-03	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
QT-TG-04	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
QT-TG-05	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
QT-TG-06	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
QT – TG - 07	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác
QT – TG - 08	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
QT – TG -09	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
2.Lĩnh vực Thi đua Khen thưởng (04 TTHC) – Với 04 quy trình	
QT-TĐKT-01	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị
QT-TĐKT-02	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề
QT-TĐKT-03	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
QT-TĐKT-04	Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến
III. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (04 TTHC) Theo quyết định	

2253 ngày 11/10/2018 – Với 04 quy trình	
QT-NN&PTNT- 01	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản (QĐ 2253)
QT-NN&PTNT – 02	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (QĐ 2992)
QT-NN&PTNT – 03	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (QĐ 2992)
QT-NN&PTNT – 04	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện) (QĐ 2253)
IV.Lĩnh vực Văn hóa – Thể thao (07 TTHC) – Với 07 quy trình	
1. Lĩnh vực văn hóa (03 TTHC) Với 03 quy trình	
QT-VH- 01	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm
QT-VH-02	Xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa
QT-VH-03	Thông báo tổ chức lễ hội
2 .Lĩnh vực thể thao (01 TTHC) – Với 01 quy trình	
QT- TDTT-01	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
3 .Lĩnh vực Thư viện (03TTHC) – Với 03 quy trình – Theo QĐ 2749 ngày 30/10/20	
QT –TV01	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng
QT –TV01	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng
QT –TV01	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng
V. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (05 TTHC) – Với 05 quy trình (QĐ 1854 ngày 28/7/2021)	
QT-GD&ĐT-01	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học
QT-GD&ĐT-02	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
QT-GD&ĐT-03	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
QT-GD&ĐT-04	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
QT-GD&ĐT-05	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập
VI. Lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội (25 TTHC) gồm: 15+16+17+18	
1 .Lĩnh vực: Người có công (02 TTHC) – 02 quy trình	
QT-LĐTBXH-01	Thủ tục “Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ”
QT-LĐTBXH-02	Thủ tục “Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi”

2 .Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (07 TTHC) – Với 07 quy trình	
QT-LĐTBXH-01	Thủ tục “ Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật” – QĐ 1292
QT-LĐTBXH-02	Thủ tục “Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận khuyết tật” –QĐ1610
QT-LĐTBXH-03	Thủ tục “Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở” – QĐ 2227
QT-LĐTBXH-04	Thủ tục “Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế” – QĐ 2227
QT-LĐTBXH-05	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm– QĐ 2227
QT-LĐTBXH-06	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm– QĐ 2227
QT-LĐTBXH-07	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn – QĐ 2227
3 .Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội (03 TTHC) – Với 03 quy trình	
QT-LĐTBXH-11	Thủ tục “Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình”
QT-LĐTBXH-12	Thủ tục “Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng”
QT-LĐTBXH-13	Thủ tục “Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng”
4 .Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em (06 TTHC) – Với 06 quy trình	
QT-LĐTBXH-16	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
QT-LĐTBXH-17	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
QT-LĐTBXH-18	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
QT-LĐTBXH-19	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
QT-LĐTBXH-20	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
QT-LĐTBXH-21	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
VII .Lĩnh vực Đất đai (02 TTHC) – Với 02 quy trình	
01.Lĩnh vực Đất đai (02 TTHC) theo QĐ 2891 ngày 12/12/2018 – Với 02 quy trình	

QT-ĐĐ-01	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã
QT- ĐĐ - 02	Cung cấp dữ liệu đất đai
VIII. Lĩnh vực khuyến nông (01 TTHC) – Theo QĐ 519 ngày 04/3/2019 – Với 01 quy trình	
QT- KN-01	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
IX. Quản lý an toàn đập Hồ chứa Thủy điện (02 TTHC – với 02 quy trình)	
QT-QLATĐ -01	- Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
QT-QLATĐ -02	Thẩm định phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
X. Phòng chống thiên tai (03 TTHC – Với 03 quy trình)	
QT-PCTT – 01	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
QT-PCTT – 02	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
QT- PCTT- 03	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
XI. Lĩnh vực y tế (01 TTHC – Với 01 quy trình)	
QT-YT – 01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
XII. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Tổ hợp tác (03 TTHC)	
QT- THT -01	Thông báo thành lập tổ hợp tác
QT- THT -02	Thông báo thay đổi tổ hợp tác
QT- THT -03	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác
XIII. Lĩnh vực Trồng trọt (01 TTHC)	
QT- TTr -01	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
XIV. Lĩnh vực Tổ Cáo(01TTHC)	
QT – TC	Giải quyết tố cáo
XV. Lĩnh vực Môi trường (01 TTHC) QĐ 991 ngày 15/4/2020	
Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	
TTHC LIÊN THÔNG với 10 lĩnh vực, 81 TTHC	
I. Lĩnh vực người có công: 23 TTHC – Với 23 quy trình	
QTLT – NCC – 01	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
QTLT – NCC – 02	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ

QTLT – NCC – 03	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
QTLT – NCC – 04	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ
QTLT – NCC – 05	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
QTLT – NCC – 06	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần
QTLT – NCC – 07	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần
QTLT – NCC – 08	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến
QTLT – NCC – 09	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày
QTLT – NCC – 10	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
QTLT – NCC – 11	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết
QTLT – NCC – 12	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
QTLT – NCC – 13	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
QTLT – NCC – 14	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
QTLT – NCC – 15	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
QTLT – NCC – 16	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ
QTLT – NCC – 17	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
QTLT – NCC – 18	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ
QTLT – NCC – 19	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham

	gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
QTLT – NCC – 20	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia
QTLT – NCC – 21	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng
QTLT – NCC – 22	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh (Mới theo QĐ 1439 ngày 18/6/2020)
QTLT – NCC – 23	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (Mới theo QĐ 1439 ngày 18/6/2020)

II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (09 TTHC) – Với 09 quy trình

QTLT- BTXH - 01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện – QĐ 1609
QTLT –BTXH - 02	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện – QĐ 1609
QTLT –BTXH - 03	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 04	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 05	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 06	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 07	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 08	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp – QĐ 1608
QTLT – BTXH - 09	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng – QĐ 1608

III. Lĩnh vực Tư pháp Hộ tịch (05 TTHC) – Với 05 quy trình

QTLT – HT – 01	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
QTLT – HT – 02	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

QT-LT – ĐKKT – XTT	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng) / hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí (QĐ 2048 ngày 23/8/2019)
QT-LT – ĐKKT – XTT	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (QĐ 2048 ngày 23/8/2019)
QT-LT – ĐKKT – XTT	Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí. (QĐ 2048 ngày 23/8/2019)
IV. Lĩnh vực dân tộc (02 TTHC) – Với 02 quy trình QĐ 961 ngày 8/5/2018	
QTLT – DT – 01	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
QTLT – DT – 02	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
V. Lĩnh vực đất đai (21 TTHC) – Với 21 quy trình	
QTLT – ĐĐ – 01	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
QTLT – ĐĐ – 02	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
QTLT – ĐĐ – 03	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
QTLT – ĐĐ – 04	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
QTLT – ĐĐ – 05	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
QTLT – ĐĐ – 06	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
QTLT – ĐĐ – 07	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
QTLT – ĐĐ – 08	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
QTLT – ĐĐ – 09	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

QTLT – ĐĐ – 10	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
QTLT – ĐĐ – 11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
QTLT – ĐĐ – 12	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
QTLT – ĐĐ – 13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
QTLT – ĐĐ – 14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
QTLT – ĐĐ – 15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở
QTLT – ĐĐ – 16	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
QTLT – ĐĐ – 17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp

QTLT – ĐĐ – 18	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
QTLT – ĐĐ – 19	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
QTLT – ĐĐ – 20	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
QTLT – ĐĐ – 21	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
VI. Lĩnh vực quân sự (14 TTHC) theo QĐ 892 ngày 04/4/2020	
- Lĩnh vực động viên quân đội	
1. Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	
2. Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	
- Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội	
1. Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	
- Lĩnh vực Dân quân tự vệ	
1. Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	
2. Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết	
- Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự	
1. Đăng ký nghĩa vụ quân sự	
2. Đăng ký trong ngạch dự bị	
3. Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	
4. Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.	

5. Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.
6. Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng
7. Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến
- Lĩnh vực chính sách
1. Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.
2. Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)
VII. Lĩnh vực việc làm (Theo QĐ số 1177/QĐ-UBND tỉnh TT Huế ngày 14/5/2020)
- Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19
VIII. Lĩnh vực chính quyền địa phương (01 TTHC)
- Thủ tục thành lập thôn, tổ dân phố
IX. Lĩnh vực PTNT: (02 TTHC) QĐ 2262 ngày 12/10/2018
Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại
Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại
X. Lĩnh vực Quy hoạch XD (01 TTHC)
Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã